

Bản án số: 271/2023/HC-PT

Ngày: 22-8-2023

V/v: “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ hành chính thụ lý số 60/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Đình H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà A đường N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị Thanh C, sinh năm 1995; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn K - Luật sư Công ty L2; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K và Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: C G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Minh T - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Xuân L - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K và ông Nguyễn Văn T1 - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K, có mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: I L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H'Yim K1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn S - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1957; địa chỉ: A N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Phạm Đình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phạm Đình H, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, trình bày:

Về nguồn gốc diện tích 2.621,1m² (trong đó có phần diện tích bị thu hồi là 437m²): Diện tích đất ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 (là bố mẹ của ông Phạm Đình H) khai hoang, phục hóa từ những năm 1984, lúc đó toàn bộ đất này đều là đất sỏi đá, thường gọi là đất Gò đá nên ông H1, bà H2 đã cải tạo mới có được đất đai để sử dụng như hiện nay. Vào năm 2006 ông H1, bà H2 tặng cho ông H toàn bộ thửa đất nêu trên, do là người trong gia đình nên thỏa thuận miệng và không lập văn bản gì. Kể từ khi tặng cho thì ông H tiếp tục sử dụng thửa đất ổn định và không tranh chấp với ai, cũng chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt, thu hồi đất. Ông H sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch cho đến khi Nhà nước có chủ trương thu hồi một phần diện tích (đợt 1) để làm đường giao thông.

Năm 1989, thị trấn K (nay là thị trấn P), huyện K được thành lập và vào những năm 1980, nông dân theo chính sách chủ trương của Nhà nước phải làm ăn tập thể vào các Hợp tác xã (sau đây viết tắt là HTX). HTX X và đất đai của nông dân đưa vào HTX quản lý, làm công điểm, nộp khoán sản lượng nông nghiệp. Thời điểm đó, bố mẹ ông H là thành phần nông dân nhưng không phải là xã viên của HTX, bố mẹ ông H tự mình sử dụng đất khai hoang, phục hóa và nộp thuế sử dụng đất đã khai hoang.

Ngày 15/5/1989, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị trấn K có quyết định về việc giao đất nông nghiệp. Tại quyết định có ghi các nội dung sau: Nay thu hồi lại diện tích 2,5ha đất Nà Sinh T giao cho Hợp tác xã T2 quản lý và thu thuế nông nghiệp; HTX T2 chịu trách nhiệm giao đất cho nông dân và thu thuế nộp về ngân sách; Nếu các hộ trước đây đã phục hóa muốn nhận lại để canh tác phải đăng ký diện tích với HTX T2 và phải nộp thuế nông nghiệp năm 1999. Như vậy, Quyết định trên thể hiện rõ là HTX chỉ quản lý thu thuế đất đối với đất

mà ông H1, bà H2 khai hoang, phục hóa và sau khi có quyết định trên gia đình ông H1 sử dụng và đóng thuế thông qua HTX hàng năm, bắt đầu từ năm 1990. Đến năm 2002, theo chính sách của nhà nước thì được miễn thuế nông nghiệp cho toàn dân nên ông H1 không phải đóng góp bất kì khoản nào. Ban chủ nhiệm HTX T2 vận động các hộ canh tác ở khu vực Gò đá mà không phải là xã viên thì hỗ trợ cho HTX mỗi sào từ 05 đến 10kg lúa/năm để HTX có kinh phí hoạt động, nên tất cả các hộ dân đồng ý hỗ trợ chứ không phải là tiền thuế và sản hàng năm. Việc gia đình ông H đã khai hoang, phục hóa sử dụng đất minh chứng theo xác nhận nguồn gốc đất của HTX T2, xác nhận không phải thành viên HTX T2 và hợp đồng giao nhận đất không có chữ ký của ông H.

Diện tích 2.621,1m² đất, trong đó có phần diện tích bị thu hồi đợt 1 là 437m² của gia đình ông H đã sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1984, do đó đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Tuy nhiên, việc UBND huyện K thu hồi diện tích đất nêu trên và ban hành Quyết định số 4138/QĐ-UBND ngày 19/11/2019, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án đường giao thông quanh bờ hồ khu du lịch Hồ Tân A (đợt 1), thị trấn P, huyện K; theo đó chỉ hỗ trợ cho ông Phạm Đình H diện tích đất bị thu hồi 437m² theo mức 30% giá trị đất, với số tiền 32.447.000 đồng là không đúng quy định và làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Phạm Đình H.

Không đồng ý với Quyết định số 4138/QĐ-UBND ngày 19/11/2019, ông Phạm Đình H đã có đơn khiếu nại và Chủ tịch UBND huyện K đã giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 09/6/2021, về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình H và 02 hộ dân trú tại thị trấn P, huyện K, theo đó không công nhận nội dung khiếu nại của ông Phạm Đình H. Ông H tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và được giải quyết tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đình H (lần hai), với nội dung: Không chấp nhận nội dung Đơn khiếu nại của ông Phạm Đình H; giữ nguyên nội dung giải quyết tại Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện K.

Ông H cho rằng việc UBND huyện K ban hành phương án bồi thường số 4138/QĐ-UBND ngày 19/11/2019, chỉ hỗ trợ về đất theo mức 30% giá trị đất và nội dung các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện K và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, là xác định không đúng về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đình H (lần hai); Hủy một phần Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình H; Hủy một phần Quyết định số 4138/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND huyện K, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án đường giao thông quanh bờ hồ khu du lịch Hồ Tân A (đợt 1), thị trấn P, huyện K đối với phần bồi thường về đất của ông Phạm

Đình H và buộc Ủy ban nhân dân huyện K phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó bồi thường 100% giá trị đất bị thu hồi cho ông Phạm Đình H theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Ông Phạm Đình H đang sử dụng thửa đất số 87, thuộc mảnh trích đo địa chính số TĐ3-2019, tại thị trấn P, có diện tích 2.621,1m², diện tích đất thu hồi là 437m². Ông H (con ông Phạm Văn H1) cho rằng diện tích đất nêu trên bị thu hồi là đất gia đình ông tự khai hoang, phục hóa và sản xuất từ những năm 1983, 1984 và đến nay vẫn sử dụng ổn định không tranh chấp, nguồn gốc đất không phải của HTX T2 giao cho gia đình ông quản lý, sử dụng, là không đúng, vì diện tích đất ông H đang sử dụng là đất nông nghiệp có nguồn gốc hợp đồng giao nhận đất với HTX T2, cụ thể như sau:

- Trong năm 1989, HTX T2 (nay là HTX T2) được chuyển từ xã E, huyện K về thị trấn P, huyện K và được UBND huyện, UBND thị trấn P giao cánh đồng T cho HTX T2 quản lý. Khi được giao T2 có trách nhiệm theo dõi trên sổ sách và thu thuế nông nghiệp và các khoản thu khác theo quy định (đã dừng thu thuế nông nghiệp khi có chính sách miễn thu thuế nông nghiệp).

- Các loại giấy tờ của ông Phạm Đình H cung cấp là giấy viết tay về việc chuyển nhượng, cho tặng; giấy xác nhận lại nguồn gốc sử dụng đất được HTX T2 xác nhận vào năm 2019, 2020 và không có xác nhận của UBND thị trấn P là không có giá trị pháp lý và không đúng với quy định của pháp luật.

- Các loại giấy tờ do HTX T2 cung cấp là Hợp đồng giao nhận đất được ký lại vào năm 2006 (ký Hợp đồng lần đầu vào năm 1997). Theo đó, ông Phạm Đình H chưa ký vào Hợp đồng, tuy chưa ký vào Hợp đồng giao nhận đất nhưng hồ sơ, sổ sách, phụ lục hợp đồng thu thuế của HTX có thể hiện từ năm 1994 đến năm 2019, hộ gia đình ông vẫn nghiêm chỉnh chấp hành nghĩa vụ nộp thuế và các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng giao nhận đất với Hợp tác xã (như: cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời vụ, đóng các khoản thu theo chủ trương của Nhà nước và Nghị quyết đại hội xã viên; khi không còn nhu cầu sử dụng đất, phải giao lại cho HTX để HTX có kế hoạch giao lại cho những xã viên khác có nhu cầu; trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề vướng mắc, phải trình báo để 02 bên cùng nhau bàn bạc thống nhất).

- Việc ông Nguyễn Viết L1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị HTX T2, trong các cuộc họp và bằng văn bản đều cho rằng việc giao đất cho HTX T2 chỉ giao bằng miệng không có Quyết định hay văn bản nào của UBND huyện, UBND thị trấn P đã làm cho việc xác minh nguồn gốc đất gặp nhiều khó khăn. Trên thực tế xác minh, việc HTX quản lý, sử dụng diện tích nêu trên là có các Quyết định giao đất của UBND huyện và các biên bản kê khai diện tích. Các hồ sơ về nguồn gốc đất có liên quan đến HTX T2, gồm: *Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 12/5/1990 của UBND huyện K về việc giao 10,5ha đất sản xuất lúa nước hai vụ ở hồ T; Biên bản xác minh diện tích hồ T ngày 12/3/1990; Quyết định về việc giao đất nông nghiệp đề ngày 15/5/1992 của UBND thị trấn P cho HTX T2 quản lý, sử*

dụng phần diện tích đất 2,5ha (đất Nà Sinh các hộ dân đang khiếu nại); Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 24/5/1994 của UBND huyện K, về việc thu hồi diện tích 7,5ha hồ T của xí nghiệp C1; Kế hoạch của HTX T2 năm 1994-1995 kê khai phân bổ danh mục đất đai có phần diện tích đất gò đá 2,5ha.

Căn cứ Điều 76, điều 82, Luật Đất đai 2013 và các loại giấy tờ, hồ sơ có liên nêu trên, đã xác định Hợp tác xã T2 là một tổ chức đã được Nhà nước giao đất để quản lý, việc UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất hiện nay của ông Phạm Đình H đang sử dụng là đất nông nghiệp có nguồn gốc hợp đồng giao nhận đất với HTX T2 là có cơ sở, nên việc áp giá hỗ trợ 30% về đất là đảm bảo cơ sở pháp lý đối với diện tích đất bị thu hồi. Do đó, UBND huyện ban hành Quyết định số 2311/QĐ-UBND, ngày 09/6/2021 của UBND huyện K, về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình H và 02 hộ dân trú tại thị trấn P (lần đầu); Quyết định số 4138/QĐ-UBND, ngày 19/11/2019 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án đường giao thông quanh bờ hồ khu du lịch Hồ Tân A (đợt 1), thị trấn P; là đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đối với yêu cầu của người khởi kiện thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét giải quyết.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Theo kết quả thẩm tra, xác minh, diện tích đất hiện nay ông Phạm Đình H đang khởi kiện có nguồn gốc là đất của Nhà D (Đan viện T3) quản lý và sử dụng từ trước năm 1975. Sau năm 1975 Nhà nước tiếp quản, HTX T4 quản lý diện tích này, đến năm 1989 UBND huyện K chuyển HTX T từ xã E về thị trấn P, thì diện tích này giao cho HTX T2 quản lý. Hộ ông Phạm Đình H chỉ phục hóa đất để canh tác trong diện tích đất HTX T2 quản lý. Trong bản kế hoạch khoán năm 1994 - 1995 của HTX T2-Mục phân bổ đất đai có diện tích 2,5 ha đất G; Bảng kê thu nợ đất Gò Đá năm 2004 có tên hộ ông Phạm Văn H1 (bố ông Phạm Đình H); tại Sổ mục kê đất thị trấn P lập, phê duyệt năm 2003, thửa đất bị thu hồi không có tên chủ sử dụng cho thấy hộ dân từ khi sử dụng đất đến khi thu hồi không kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng tỏ HTX T2 quản lý khu đất này.

Theo Đơn đề nghị xác nhận ngày 06/8/2019 của ông Phạm Đình H có ghi đất có nguồn gốc HTX T2 quản lý, có hợp đồng với HTX T2 và được HTX T2 xác nhận. Tại Quyết định (không số) ngày 15/5/1992 của UBND thị trấn K (nay là thị trấn P) về việc thu hồi, giao 2,5ha đất Nà Sinh T cho HTX T2 quản lý thực chất là điều chuyển ranh giới, diện tích đất nông nghiệp trước đây HTX T4 quản lý sang cho HTX T2 để quản lý tập trung. Điều 4 Quyết định năm 1992 cũng đã nêu rõ “*Nếu các hộ trước đây đã phục hóa muốn nhận lại để canh tác phải đăng ký diện tích với Hợp tác xã T2 và phải nộp thuế Nông nghiệp năm 1992*”, cho thấy chính quyền địa phương chỉ thu hồi lại diện tích đất này để giao HTX T2 quản lý, các hộ gia đình đang trồng màu vẫn được tiếp tục canh tác trên đất và nộp thuế đất nông nghiệp cho nhà nước thông qua HTX mà không bị thu hồi để phân chia cho xã viên theo quy định.

Do đó, việc ông Phạm Đình H khiếu nại Quyết định số 4138/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND huyện K, yêu cầu được bồi thường về đất là không có cơ sở. Việc Chủ tịch UBND huyện K giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết lần hai tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 20/6/2022, theo đó không công nhận nội dung khiếu nại của gia đình ông Phạm Đình H là đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện trên của ông Phạm Đình H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Ông Phạm Đình H là con của ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2; ông H1 và bà H2 đồng ý với phần trình bày của ông Phạm Đình H về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông, bà. Việc UBND huyện K thu hồi diện tích 437m² đất trong tổng 2.621,1m² diện tích đất của ông Phạm Đình H để thực hiện dự án xây dựng đường giao thông xung quanh bờ hồ khu du lịch T, nhưng ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ không thỏa đáng. Do vào năm 2006, ông H1 và bà H2 đã cho con là ông Phạm Đình H phần đất này, nên hiện nay ông H đang khởi kiện thì ông, bà thống nhất để ông H khởi kiện và đồng ý các quan điểm và yêu cầu của ông H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 82, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình H, về việc: Hủy một phần Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đình H (lần hai); hủy một phần Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Phạm Đình H; hủy một phần Quyết định số 4138/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND huyện K, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án đường giao thông quanh bờ hồ khu du lịch Hồ Tân A (đợt 1), thị trấn P, huyện K đối với phần bồi thường về đất của ông Phạm Đình H và buộc Ủy ban nhân dân huyện K phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó bồi thường 100% giá trị đất bị thu hồi cho ông Phạm Đình H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 28/3/2023, ông Phạm Đình H nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình H.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**

Người đại diện theo uỷ quyền của người kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND huyện K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng thửa đất của ông H có diện tích 2.621,1m² (diện tích đất thu hồi là 437m²) là thuộc diện tích đất tại T được UBND huyện K giao cho HTX T2 quản lý sử dụng vào năm 1990. Do đó, khi Nhà nước thu hồi đất ông H chỉ được hỗ trợ 30% giá trị đất là đúng pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Diện tích đất thu hồi 437m² của ông Hùng có nguồn gốc trước năm 1975 là đất của Nhà dòng, đến năm 1990 UBND huyện K giao cho HTX T2 quản lý và HTX giao cho các hộ dân canh tác. Quá trình sử dụng đất, ông H có nộp thuế cho HTX. Như vậy, không có cơ sở cho rằng ông H khai hoang thửa đất này. Khi Nhà nước thu hồi đất, UBND huyện K hỗ trợ 30% giá trị đất là đúng pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Đình H đang sử dụng thửa đất số 87, thuộc mảnh trích đo địa chính số TĐ3-2019, tại thị trấn P, có diện tích 2.621,1m² (diện tích đất thu hồi là 437m²), phần đất này thuộc đất của cánh đồng T.

[2] Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ngày 03/6/1989 của UBND huyện K ban hành Quyết định số 39/QĐ-UB quyết định chuyển HTX T2 từ xã E sang thị trấn P, huyện K; tại Quyết định số 48/QĐ-UB ngày 12/5/1990, UBND huyện K đã giao diện tích 10,5ha đất sản xuất lúa nước hai vụ ở hồ T cho HTX T2 quản lý sử dụng; tại Quyết định về việc giao đất nông nghiệp đề ngày 15/5/1992, UBND huyện K quyết định thu hồi 2,5 ha đất Nà Sinh T giao cho HTX T2 quản lý và thu thuế nông nghiệp và tại Quyết định số 76/QĐ-UB ngày 24/5/1994 của UBND huyện K đã thu hồi 7,5ha hồ T của Xí nghiệp 3/2. Như vậy, diện tích đất tại khu N T và hồ T đã được UBND huyện K thu hồi và giao cho HTX T2 quản lý sử dụng. Đồng thời, theo Kế hoạch của HTX T2 năm 1994 - 1995, kê khai phân bổ danh mục sử dụng đất đai có phần diện tích đất Gò đá 2,5ha.

[3] Trên cơ sở diện tích đất đã được UBND huyện K giao quản lý sử dụng, HTX T2 đã giao đất cho các hộ dân nhận canh tác. Đối với hộ ông H: theo Hợp

đồng giao nhận đất ngày 01/7/2006 (Hợp đồng lần đầu ký vào năm 1997), HTX T2 giao cho hộ ông H diện tích đất là 2,522m², mục đích sử dụng làm đất màu và có nghĩa vụ nộp sản lượng hàng năm cho HTX T2. Mặc dù Hợp đồng giao nhận đất không có chữ ký của ông H, nhưng hồ sơ, sổ sách, phụ lục hợp đồng thu thuế của HTX T2 đã thể hiện hàng năm hộ ông H vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho HTX T2.

[4] Tại Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất đề ngày 06/8/2019, ông Phạm Đình H ghi thông tin về thửa đất: đất ở khu vực đảo đá, diện tích 2.522m², đất tự gia đình khai hoang trồng màu, năm 1989 thành lập thị trấn P, đến năm 1993 UBND thị trấn P giao cho HTX T2 quản lý thu thuế nông nghiệp đến nay. Kèm theo đơn có hợp đồng giao nhận đất, bản sao hộ khẩu, CMND. Đơn được Chủ tịch HĐQT HTX T2 xác nhận có hợp đồng đất màu với HTX T2 vào ngày 01/7/2006 và xác nhận của UBND thị trấn P vào ngày 16/8/2019.

[5] Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất mà ông H bị thu hồi 437m² nằm trong phần đất ông H đang sử dụng có diện tích 2.621,1m², thửa đất số 87, thuộc mảnh trích đo địa chính số TĐ3-2019, tại thị trấn P. Phần đất này thuộc đất Gò đá của cánh đồng T, HTX T2 được Nhà nước giao đất để quản lý và hộ ông H canh tác, sử dụng đất theo Hợp đồng giao nhận đất với HTX T2. Việc ông H cho rằng diện tích đất bị thu hồi là đất tự khai hoang, phục hóa, sử dụng ổn định và không phải là đất của HTX T2 giao quản lý, sử dụng là không có cơ sở.

[6] Theo quy định tại Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013, hộ ông Phạm Đình H không được bồi thường về đất. Việc UBND huyện K hỗ trợ 30% giá trị đất đối với diện tích đất thu hồi là phù hợp với quy định tại Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

[7] Do đó, UBND huyện K ban hành Quyết định số 4138/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án đường giao thông quanh bờ hồ khu du lịch Hồ Tân A (đợt 1), thị trấn P, huyện K, trong đó có nội dung hỗ trợ cho ông Phạm Đình H diện tích đất bị thu hồi 437m² theo mức 30% giá trị đất, với số tiền 32.447.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình H là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đình H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Phạm Đình H;
2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Phạm Đình H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2022/0001564 ngày 04/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự